



gǔ jì
古迹

Noun · places of historic interest

Example Sentences

nán jīng yǒu hěn duō lì shǐ gǔ jì
南京有很多历史古迹。

Nanjing has many historical sites.

zhè zuò chéng shì yǒu hěn duō míng shèng gǔ jì
这座城市有很多名胜古迹。

This city has many scenic spots and historical sites.

běi jīng yǒu hěn duō míng shèng gǔ jì
北京有很多名胜古迹。

Beijing has many famous scenic spots and historical sites.

Trace each character, then write the word on your own.

古	古	古	古	古	古	古	古				
迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹	迹
迹											